

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13-8-2024.
V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Huỳnh Ngọc Anh

- Ông Nguyễn Huy Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Bảng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Quốc Q sinh năm 1976; trú tại: Thôn 1, xã L, huyện R, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị B sinh năm 1977; trú tại: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/4/2024, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Quốc Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hoàng Thị B kết hôn năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, sau khi cưới

vợ chồng chung sống tại thôn C nay là thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn đến năm 2007 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hòa hợp, trong khi ông bị bệnh nhưng bà B không có sự quan tâm, chăm sóc nên ông bà tự chấm dứt cuộc sống chung từ năm 2007 đến nay, mỗi người lo cuộc sống riêng, không còn sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau. Hiện nay hai bên đều không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm và quan hệ hôn nhân. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà B.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Phạm Quốc T sinh ngày 13/10/2002 và Phạm Anh S sinh ngày 16/6/2004 hiện nay đã thành niên, sống với ai tùy các con chung quyết định, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không có tài sản chung, không có nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Hoàng Thị B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc và không giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ do bà B vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt và thông báo kết quả phiên họp cho bà B biết; do bà B vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không đến tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Q, cho ông Q ly hôn với bà B; con chung Phạm Quốc T sinh ngày 13/10/2002 và Phạm Anh S sinh ngày 16/6/2004 đã thành niên nên không xem xét; tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Tranh chấp ly hôn*” giữa nguyên đơn ông Phạm Quốc Q với bị đơn bà Hoàng Thị B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Q và bà B kết hôn năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo quy định pháp luật. Theo ông Q trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống chung không hòa hợp và ông bà không cùng chung sống từ 2007 đến nay không có sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau, hai bên đều không có thiện chí hòa giải. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Q và bà B đã trầm trọng, diễn ra trong thời gian dài, ông Q và bà B chấm dứt cuộc sống chung từ năm 2007 đến nay, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau; bà B bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân, không đến Tòa án làm việc, hòa giải thể hiện không có thiện chí hòa giải và hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với ông Q, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của ông Q về việc ly hôn với bà B.

- *Về con chung*: Ông bà có 02 con chung tên Phạm Quốc T sinh ngày 13/10/2002; Phạm Anh S sinh ngày 16/6/2004 đã thành niên, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông bà không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266 và 267 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Quốc Q, xử cho ông Phạm Quốc Q với bà Hoàng Thị B ly hôn.

2. Về án phí: Buộc ông Phạm Quốc Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003840 ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Ông Phạm Quốc Q đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Q có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà B vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Trọng;
- Chi cục THADS huyện Đức Trọng;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng
(Số 95, quyển số 01/2001, ngày đăng ký
18/9/2001);
- Lưu AV, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hạnh